

**TRUYỆN KIỀU NÔM, TIẾNG VIỆT VÀ CHỮ QUỐC NGŨ - VẤN ĐỀ NGÔN NGỮ
VÀ CHỮ VIẾT Ở CUỐI THẾ KỈ XIX - ĐẦU THẾ KỈ XX QUA ỨNG XỬ
VỚI TRUYỆN KIỀU Ở NAM BỘ**

Trần Nho Thìn

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Trần Nho Thìn, e-mail: thintnkv236@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/6/2026. Ngày sửa bài: 21/7/2026. Ngày nhận đăng: 29/7/2026.

Tóm tắt. Vấn đề chữ quốc ngữ và tiếng Việt đã được nêu lên rất sớm ở Nam Bộ, từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Báo chí và văn học quốc ngữ ở Nam Bộ đã chứng minh sự thuận tiện và cần thiết thay thế các văn tự Hán, Nôm. Nhưng một công việc quan trọng và cấp bách đồng thời đặt ra là chứng minh sự giàu có của tiếng Việt đủ cho văn học quốc ngữ phát triển. Trong nhiều hướng biện luận, giới trí thức Nam Bộ đã nghĩ đến tiếng Việt trong *Truyện Kiều*. Một số công trình nghiên cứu quan trọng về lịch sử chữ quốc ngữ tuy có nói đến Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của(*), song chưa có một nhà nghiên cứu nào nêu vấn đề hai vị này sử dụng tiếng Việt của *Truyện Kiều* để phổ biến chữ quốc ngữ. Bài viết lần đầu tiên khảo sát các hoạt động chính theo hướng này: Trương Vĩnh Ký phiên âm từ bản Kiều chữ Nôm ra quốc ngữ (1875) và đưa bản quốc ngữ đầu tiên này vào dạy ở trường thông ngôn; Huỳnh Tịnh Của dùng nhiều ngữ liệu *Truyện Kiều* để biên soạn tự điển tiếng Việt đầu tiên *Đại Nam quốc âm tự vị*; và hoạt động giải thích từ ngữ *Truyện Kiều* trên báo chí Nam Bộ.

Từ khóa: Truyện Kiều, chữ Nôm, tiếng Việt, chữ quốc ngữ, Nam Bộ, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của.

**THE NÔM TALE OF KIỀU, THE VIETNAMESE LANGUAGE, AND QUỐC NGŨ
SCRIPT: LANGUAGE AND WRITING ISSUES IN THE LATE NINETEENTH
AND EARLY TWENTIETH CENTURIES THROUGH RESPONSES
TO THE TALE OF KIỀU IN SOUTHERN VIETNAM**

Tran Nho Thinh

VNU University of Social Sciences and Humanities, Hanoi, Vietnam

*Corresponding author: Tran Nho Thinh, e-mail: thintnkv236@gmail.com

Received June 10, 2026. Revised July 21, 2026. Accepted July 29, 2026.

Abstract. The issue of **Quốc Ngữ** script and the Vietnamese language was raised in Southern Vietnam as early as the late nineteenth and early twentieth centuries. **Quốc Ngữ** journalism and literature in the South demonstrated the convenience and necessity of replacing the traditional Chinese and Nôm scripts. At the same time, an equally urgent and important task was to prove that the Vietnamese language was sufficiently rich to support the development of literature written in **Quốc Ngữ**. Among the various lines of argument pursued, Southern intellectuals turned to the language of *The Tale of Kiều*. Although several important studies on the history of the **Quốc Ngữ** have discussed the contributions of Trương Vĩnh Ký and Huỳnh Tịnh Của, none has examined how these two scholars drew upon the language of *The Tale of Kiều* to promote **Quốc Ngữ**. This article is the first to investigate this issue systematically. It focuses on three major activities: Trương Vĩnh Ký's transliteration of *The Tale of Kiều* from the Nôm script into **Quốc Ngữ** in 1875

and his use of this first Quốc Ngữ edition as a textbook at the Interpreter School; Huỳnh Tịnh Của's extensive use of linguistic materials from *The Tale of Kiều* in compiling *Đại Nam quốc âm tự vị*, the first comprehensive Vietnamese dictionary written in Quốc Ngữ; and the explanation and annotation of the vocabulary of *The Tale of Kiều* in the Southern Vietnamese press.

Keywords: *Tale of Kiều*, Nôm script, Vietnamese language, Quốc Ngữ script, Southern Viet Nam, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của.

1. Mở đầu

Vấn đề về tiếng Việt và chữ quốc ngữ được đặt ra gay gắt ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Nam Bộ, một vùng đất bị thực dân Pháp chiếm đóng và khai thác thuộc địa sớm nhất so với Bắc Bộ, Trung Bộ, dẫn đầu cả nước về phổ biến chữ quốc ngữ. Ngôn ngữ là một yếu tố quan trọng hàng đầu cấu thành văn hóa dân tộc. Một trong những quan tâm đầu đầu của giới trí thức Việt Nam hồi cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là vấn đề thống nhất ngôn ngữ và chữ viết, vấn đề thoát ra khỏi địa hạt chữ Hán, chữ Nôm trên lãnh thổ Việt Nam. Trong địa hạt này, miền Nam là khởi đầu. Thiết tưởng ở đây nên xem lại định kiến về chữ quốc ngữ như là chữ của bọn thực dân ngoại bang như học giả Nguyễn Văn Trung thiên về ý kiến cho rằng việc phổ biến chữ quốc ngữ phục vụ cho chính sách cai trị, nô dịch của thực dân Pháp (Nguyễn, 1975). Đa số giới nghiên cứu ngày nay đều cho rằng người Việt Nam, những người yêu nước trong phong trào Đông Kinh nghĩa thực đã nhận thấy chữ quốc ngữ là một lợi khí quan trọng cần nắm bắt. Nhưng mãi đến đầu thế kỉ XX, *Đông Kinh nghĩa thực* mới chú trọng phổ biến chữ quốc ngữ, dùng chữ quốc ngữ làm phương tiện nâng cao dân trí, còn tại Nam Bộ, giới trí thức đã làm công việc này từ trước đó hai, ba chục năm. Mảnh đất Nam Bộ màu mỡ, dân đô thị Sài Gòn có điều kiện kinh tế tốt hơn, ham đọc hơn, số lượng sách văn học quốc ngữ phát hành thường như cao hơn nhiều so với ở Bắc Bộ. Đây cũng là một lý do thúc đẩy việc quốc ngữ hóa các tác phẩm văn học truyền thống mạnh hơn ở Bắc Bộ (Phạm, 1918a).

Giới nghiên cứu đều biết, chữ quốc ngữ vốn là thứ chữ ghi âm tiếng Việt do các giáo sĩ phương Tây sử dụng để phục vụ cho công cuộc truyền giáo của họ chứ không phải do người Việt tạo ra - khi đạo Công giáo xâm nhập, người Việt Nam vẫn đang dùng chữ Hán và chữ Nôm. Trong cuốn sách viết về Trương Vĩnh Ký (1943), Lê Thanh nêu nhận xét đáng chú ý: “Chữ quốc ngữ của ta tuy đã có hơn hai trăm năm sống, nhưng từ trước vì nó chỉ là một phương tiện truyền giáo của mấy cổ đạo nên nó chỉ được coi là một thứ tiếng có cái công dụng của những cỗ xe tạm thời đóng đê chở tư tưởng, xong bỏ đi. Chưa bao giờ người ta nghĩ đem gậy nó thành một nền văn chương Việt Nam” (Lê, 1943, tr.38). Các nho sĩ vẫn tiếp tục học thi chữ Hán, viết văn làm thơ bằng chữ Hán, chữ Nôm cho đến tận cuối thế kỉ XIX; còn chữ quốc ngữ tồn tại ngoài dòng chủ lưu văn học dân tộc. Nhưng rồi, chữ quốc ngữ từng bước một đi vào đời sống báo chí và văn học Việt Nam, con đường này do Nam Bộ dẫn đầu, đề đến khoảng những năm 1930 đã có một nền quốc văn bằng chữ quốc ngữ được khẳng định. Phạm Quỳnh trong bài viết *Khảo về chữ quốc ngữ* ghi nhận: “Chữ quốc ngữ thịnh hành trong giáo hội, rồi dần dần bành trướng ra ngoài. Trước còn người bên giáo dùng, sau đến người bên lương cũng dùng cả. Tự khi nước Pháp đến chiếm lĩnh đất Nam Kỳ, thì chữ quốc ngữ mỗi ngày một phổ thông trong dân gian. Đến mấy ông Trương Vĩnh Ký, Trương Minh Ký, Paulus Của, làm sách dịch sách bằng quốc ngữ, vào khoảng năm 1875-1890, thì ở Nam Kỳ người lớn trẻ con ai ai cũng biết đọc biết viết quốc ngữ cả. Ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ thì chữ quốc ngữ phát đạt khá chậm nhưng tự khoảng 1895 - 1905 đã thông dụng lắm” (Trịnh, 1929, tr.334-335).

Hầu như tất cả các công trình nghiên cứu quan trọng về chữ quốc ngữ, tiêu biểu của Đỗ Quang Chính (Đỗ, 1972), Nguyễn Văn Trung (Nguyễn, 1975), Đoàn Thiện Thuật (Đoàn, 2008) Phạm Thị Kiều Ly (Phạm, 2024) dù đề cập đến nhiều phương diện khác nhau như vai trò của các giáo sĩ, lịch sử các văn bản viết chữ quốc ngữ, quá trình xử lý các nguyên âm tiếng Việt, chính sách của thực dân Pháp đối với chữ quốc ngữ, hệ quả của chữ quốc ngữ đối với văn hóa và văn học Việt Nam, vai trò của Trương Vĩnh Ký đối với việc phổ biến chữ quốc ngữ, Đông Kinh Nghĩa

với chữ quốc ngữ v.v... nhưng chưa có công trình nào khảo sát vai trò của *Truyện Kiều* đối với việc phổ biến chữ quốc ngữ ở Nam Bộ giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

Nhằm bổ sung cho mảng trống đó, bài viết của chúng tôi trình bày một khía cạnh nhỏ chưa được quan tâm: *Truyện Kiều* - tiếng Việt viết bằng chữ Nôm đã được huy động vào sự nghiệp gây dựng một thứ tiếng Việt và văn học viết bằng chữ quốc ngữ như thế nào.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được sử dụng là phương pháp tiếp cận văn hóa (chú ý đến đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa đọc của người dân Nam Bộ, đồng thời tính phổ biến của các vấn đề tư tưởng và thẩm mỹ của *Truyện Kiều* đối với người đọc toàn quốc) và phương pháp xã hội học (phân tích bối cảnh lịch sử xã hội Nam Bộ trong đó diễn ra những ứng xử với *Truyện Kiều*).

2. Trí thức Nam Bộ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX và vấn đề lựa chọn chữ quốc ngữ

Trước khi nói đến *Truyện Kiều* từ góc độ đang bàn, cần điểm qua những ý kiến của chính người Nam Bộ hồi đó bàn về chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ ở giai đoạn sớm, từ cuối thế kỉ XIX sang nửa đầu thế kỉ XX.

Trương Vĩnh Ký có thể là người đầu tiên bàn về các thứ chữ Hán, chữ Nôm và chữ quốc ngữ, những ưu điểm, nhược điểm của chúng và hướng đến lựa chọn chữ quốc ngữ. Bất kể những vấn đề mà học giới còn thảo luận về nhân vật này, ngày nay chúng ta cần nghiêm túc và khoa học nhìn nhận những ý kiến của ông.

Các học giả người Việt khi dùng chữ quốc ngữ đã nhận thấy những điểm bất tiện của chữ nôm so với chữ latin ghi âm tiếng Việt mà ta gọi là chữ quốc ngữ. Theo sưu tầm của sử gia Nguyễn Đình Đầu, Trương Vĩnh Ký trong bài *Chữ viết ở An Nam* (1886) đã nêu nhận xét về chữ Hán và chữ Nôm dùng ở Việt Nam: chữ Hán là chữ chính thức, bác học, dùng trong văn kiện hành chính, ngoại giao tương tự như ở Triều Tiên, Nhật Bản, nhưng là tử ngữ. Chữ Nôm ở Việt Nam ra đời phục vụ cho mục đích biểu hiện tiếng nói nhưng lại có những hạn chế cần khắc phục. Ông viết: “Muốn biểu hiện tiếng nói, người ta đã phải chế ra các dấu các chữ mà ta tạm gọi là vừa gọi ý vừa gọi âm (idéophonétique). Thứ chữ này tạo nhiều khó khăn cho người An Nam ta. Bởi vì sự cấu tạo thứ chữ này còn độc đoán và tùy tiện, tùy theo ngẫu hứng cá nhân và tùy miền; muốn đọc được chữ ấy, người ta phải phỏng đoán tùy theo mạch lạc của cấu trúc câu văn. Lỗi chữ này không cung cấp được một âm riêng biệt và nhất định, nhưng đại khái cho những âm chưa phải là những âm thực sự viết ra. Vì những lý do kể trên, có lẽ người ta cho là dùng chữ quốc ngữ thì hơn” (Nguyễn, 2016, tr.211).

Trương Vĩnh Ký viết tiếp: “Hiện tại An Nam có ba thứ chữ viết khác nhau, mỗi thứ chữ có đặc tính riêng và được sử dụng rất hữu ích và uyên bác. 1. *Chữ Nhu* hay *chữ Nho* là thứ chữ thuần túy của người Trung Hoa, người An Nam viết đúng như họ nhưng đọc khác họ. Triều đình ta dùng chữ này để viết các văn bản và được phổ biến khắp nơi. Các trường học đều dạy chữ viết này. Biên niên sử, pháp luật và toàn thể sách quan trọng của nhà nước cũng viết bằng thứ chữ đó. Đối với người An Nam, đây chỉ là một thứ chữ viết. 2. *Chữ Nôm* là thứ chữ viết vừa hội ý vừa hội âm đặc biệt của người An Nam. Chữ Nôm dùng để viết và biểu hiện các âm của tiếng nói. Những thơ văn, truyện tích, tuồng chèo bằng tiếng nói dân ta thì đều viết bằng chữ Nôm. Đó là những sáng tác của chính người An Nam, người Hoa không đọc được và không hiểu gì. Nhưng cách hỗn hợp gọi âm của lỗi chữ này còn nhiều khiếm khuyết trong sự thể hiện cho đúng âm của một tiếng. Phải có nhiều kinh nghiệm mới đọc đúng âm những chữ hiếm và khó. 3. *Chữ quốc ngữ* là thứ chữ viết ra tiếng nói của người bản xứ. Đó là những chữ cái của tiếng Latin kết hợp với nhau theo định chế để biểu hiện đúng âm của tiếng nói An Nam (...). Nguyên gốc của chữ viết này đã có từ trên 250 năm, các giáo sĩ truyền giáo tiên khởi thuộc các dòng tu Dòng Tên, Đa Minh, người Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Pháp; họ tới giảng đạo ở An Nam khoảng năm 1610. Lỗi chữ viết này thực hoàn hảo để biểu hiện các âm; nhưng tiếng An Nam dân dã hay quan liêu (Hán Việt) có những âm giống nhau (đồng âm) mà ý nghĩa rất khác nhau, làm cho những ai không biết phân biệt rõ ràng, thì rất lúng túng. Chữ Nôm hay chữ quốc ngữ đều có tiện lợi và bất

tiện lợi” (Nguyễn, 2016, tr.212). Năm 1960, Bửu Cầm đã có bài viết công phu chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm của chữ Nôm (Bửu, 1960, tr.50-64).

3. Trương Vĩnh Ký phiên âm *Truyện Kiều* ra chữ quốc ngữ để minh họa cho sự giàu có của tiếng Việt

Trải qua thời gian từ 1615 đến cuối thế kỉ đầu thế kỉ XX, qua công sức của nhiều giáo sĩ thừa sai, về cơ bản cách viết chữ quốc ngữ đã định hình. Nhưng công cụ ghi chép mới này được dùng để ghi loại tiếng Việt nào? Việc trả lời câu hỏi này đưa các học giả người Việt tìm về các tác phẩm văn học quốc ngữ nôm quan trọng của dân tộc, trong đó có *Truyện Kiều*. Để minh họa cho khả năng của chữ quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký đã thực hiện loạt công trình phiên dịch các tài liệu chữ Hán và phiên âm các tác phẩm chữ Nôm ra chữ quốc ngữ. So với Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký đã tiến xa hơn trong hướng đặt nền móng cho chữ quốc ngữ, một công cụ của văn hóa và văn học Việt Nam hiện đại. Để thuyết phục sự lựa chọn chữ quốc ngữ, ông chọn những áng văn thơ quen thuộc, nổi tiếng đối với người Việt, cũng là để phổ cập chúng đến người đọc Nam Bộ khi phiên âm, dịch thuật chúng ra chữ quốc ngữ. Vấn đề là chọn văn bản văn học nghệ thuật nào đủ uy tín, thuyết phục về khả năng của chữ quốc ngữ? Trương Vĩnh Ký đã chú ý, và ông không lầm, đến vai trò của *Truyện Kiều*, một truyện thơ Nôm nổi tiếng đến từ Bắc Bộ và đã được nhiều nho sĩ Nam Bộ ra Huế làm quan hay đi công cán hoặc do chính ông mang về Nam. Trên *Nông cổ minh đàm* (1916), Trương Minh Biện nhiệt thành ca ngợi *Truyện Kiều* mang tầm dân tộc: “Trong nước Nam ta, có bộ Kim Vân Kiều là hay nhất, và mất hơn hết. Người đặt cuốn ấy là ông Nguyễn Du. Chẳng dùng tiếng chi lạ, chỉ dùng tiếng mẹ đẻ mà thôi. Song người có ăn học nói ra nghe thông suốt mà nghĩa lý cao xa. Chẳng những vậy mà ông Nguyễn Du là người hay chữ hơn hết trong nước Nam, không sách truyện chi mà ngài không thông; chẳng tục ngữ nào mà ngài chưa rõ (rõ). Cuốn *Kim Vân Kiều* truyền thế đã hơn trăm năm, cả nước đều cho là bậc nhất. Khách văn chương, hiểu nghĩa xa, bình vịnh hoài hoài; kẻ dốt nát, thuộc ít câu, ngâm nga mãi mãi. Ngài đặt hay lấy tích xưa mà ví chuyện đời nay, nét điển củ (cổ) mà nhắc người thơ trước” (Trương, 1916, tr.12- Chúng tôi giữ nguyên chính tả và cách hành văn của tác giả). Những dòng chữ này có ý nghĩa xác nhận việc Trương Vĩnh Ký đã chọn *Truyện Kiều* như một tài liệu quan trọng để nâng cao văn hóa Việt ngữ ở Nam Bộ là đúng đắn.

Lê Thanh nhận xét về chữ quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký: “Đang ở cái địa vị một đứa con xấu số bị đầy đọa trong cái gia đình trí thức, Trương tiên sinh đem nó đặt ngang hàng với chữ nho và chữ Pháp trong sự học văn. Ông chép, dịch sách Tàu, Pháp, in thành những bản sách quốc ngữ có mỹ thuật” (Lê, 1943, tr.38), “Ông dịch ra quốc ngữ những sách chữ Pháp và chữ nho, diễn ra quốc ngữ những bản văn nôm để phổ thông trong đám dân gian. Ông soạn sách giáo khoa bằng chữ quốc ngữ để dùng dạy trong các trường. Trong sự giao thiệp hàng ngày có dịp là chẳng bỏ lỡ, ông cố xúi cho sự học chữ quốc ngữ” (Lê, 1943, tr.39).

Bản *Kiều* đầu tiên bằng chữ quốc ngữ được Trương Vĩnh Ký đặt tên *Kim Vân Kiều* đã xuất bản tại Sài Gòn năm 1875. Ông đã chọn tác phẩm vào loại tiêu biểu nhất của văn học Việt Nam bằng tiếng Việt (Nguyễn Du viết bằng chữ Nôm) để phiên âm ra chữ quốc ngữ, một việc làm nhằm hai mục đích: đưa kiệt tác *Truyện Kiều* đến với công chúng độc giả Nam Bộ và thuyết phục người đọc về khả năng của chữ quốc ngữ. Lê Thanh liệt kê các sách Trương Vĩnh Ký xuất bản từ 1875 đến 1898: *Gia huấn ca*, *Nữ tắc của Trần Hy Tăng*, *Huấn nữ ca*, *Thơ mẹ dạy con*, *Thơ dạy làm dâu*, *Học trò khó phú*, *Bài kịch con quạ*, *Phan Trần*, *Mình tâm bảo giám*, *Lục Vân Tiên* và truyện *Kim Vân Kiều* (Lê, 1943, tr.41). Ông cho biết Trương Vĩnh Ký đã phụ thêm sau *Kim Vân Kiều* (1875) các bản *Kim Vân Kiều phú*, *Thúy Kiều thi tập*, *Kim Vân Kiều án* của Nguyễn Văn Thảng. “Đó là bản *Kiều* in bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của ta” (Lê, 1943, tr.41).

Lê Thanh đã trích một đoạn văn bản *Kim Vân Kiều* (trích từ câu đầu tiên *Trăm năm trong cõi người ta* đến hết câu *Tường đông ong bướm đi về mặc ai*) cùng chú giải từ ngữ và cách đọc giọng Nam Bộ cũng như cách đọc chữ Nôm của Trương Vĩnh Ký. Chẳng hạn trong đoạn *Truyện*

Kiểu quốc ngữ này, có cách phát âm Nam Bộ (húy Minh Mệnh), hay do in ấn chưa được biên tập kĩ: *Chữ tài chữ mạng khéo là ghét nhau; Kiểu thom lẩn dờ trước đèn; Có nhà vương ngoại họ Vương; Vân xem trang trọng tốt vời; cách đọc khác lạ về văn ý có thể do bản Nôm được họ Trương dựa vào: Khuôn lưng đầy đặn, nét người nở nang; Gương thu thủy vút xuân sơn; Thông minh vốn sẵn tư trời/ Vẹn nghề thi họa đủ nghề ca ngâm/ Cung thương lầu bạc năm âm... Ym mìn chương dù màn che...*

Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố trong lời tựa cho sách của Lê Thanh, đã giải thích: “Những truyện Nôm như *Truyện Kiều*, *Truyện Phan Trần* mà ông dịch ra quốc ngữ đầu tiên tất cũng có chữ sai, nhưng không nên vin vào đấy mà phê bình, vì chữ Nôm của ta là một thứ chữ không có tự điển, mỗi người viết một cách, khó lòng đọc cho đúng ngay: thử lấy một quyển Nôm nào chưa ai dịch ra quốc ngữ mà đọc xem, có lắm chữ không tài nào đọc nổi, thế mới biết cái tài học của Trương Vĩnh Ký đáng tôn trọng, đáng kính phục biết bao nhiêu”. Lê Thanh cũng bình luận sau khi dẫn đoạn thơ Kiều: “Cầm bản sách với những khuyết điểm trong sự biên chép và ấn loát, tôi cảm động như đứng trước những sự sơ suất của một anh nhi. Những khuyết điểm ấy chứng tỏ một tấm lòng sốt sắng, nhất quyết vượt lên trên những nỗi khó khăn để cho ta có một bản văn của ta in bằng chữ của ta. Không kể những sáng tác của ông, riêng đó cũng đã là một công nghiệp lớn đối với tiền đồ quốc văn mà sau này người ta có tượng đồng bia đá cũng không phải là quá đáng” (Lê, 1943, tr.44). Phần kết luận, Lê Thanh viết: “Lịch sử văn học Việt Nam không thể bỏ qua những bản *Lục Vân Tiên*, *Kim Vân Kiều* chép lần đầu tiên bằng quốc ngữ của tiên sinh” (Lê, 1943, tr.73).

Phiên âm *Truyện Kiều* (cùng với *Lục Vân Tiên*) từ chữ Nôm sang chữ quốc ngữ thể hiện quan điểm nhất quán của Petrus Ký về tầm quan trọng của việc chọn những áng văn chương cổ truyền nổi tiếng phiên ra chữ quốc ngữ phục vụ cho phổ cập chữ quốc ngữ và phổ thông hóa tiếng Việt ở Nam Bộ. Năm 1864, Trương Vĩnh Ký được chỉ định làm giám đốc trường Thông ngôn; nhờ *Gia Định báo* số 12 ra ngày 21-3-1885, chúng ta biết được nội dung chương trình giảng dạy dành cho người Tây (tương tự như sinh viên Việt Nam học ngày nay) trong đó, phần học tiếng An Nam, năm đầu: cắt nghĩa chuyện đời xưa, văn *Lục Vân Tiên*, hoặc bài gì khó hơn. Cắt nghĩa bằng miệng...; Năm thứ hai: cắt nghĩa *Kim Vân Kiều*, tuồng tập ca ngâm. Dành cho người bốn quốc (người Việt): *Tiếng An Nam* năm đầu: cắt nghĩa *Kim Vân Kiều*. Làm bài tiếng An Nam (Nguyễn, 2016, tr.29-30). Có thể ước đoán rằng khi được bổ làm giám đốc trường Thông ngôn, Trương Vĩnh Ký đã nghĩ đến việc phiên ra chữ quốc ngữ *Truyện Kiều* Nôm của Nguyễn Du, hay nói cách khác, bản *Truyện Kiều* chữ quốc ngữ nằm trong chiến lược của ông về một tiếng Việt phổ cập, thống nhất, một chiến lược đã âm thầm từng bước đi vào hiện thực đời sống.

Tất nhiên, việc Trương Vĩnh Ký chọn chính *Truyện Kiều* chứ không phải một tác phẩm truyện thơ Nôm nào khác không hề ngẫu nhiên mà gắn với việc đánh giá, ghi nhận của ông về giá trị và tính phổ biến của tác phẩm này về nội dung đạo đức, bài học cuộc sống, về giá trị nghệ thuật... Như chính ông đã viết trong *Lời nói đầu (Avant-Propos)* cho bản Kiều quốc ngữ đầu tiên này: “Thơ mà chúng tôi in ra bằng quốc ngữ ở đây là thơ mà tất cả người An Nam đều thuộc nằm lòng trên đầu môi chót lưỡi, đàn ông cũng như là đàn bà, con trai cũng như con gái. Thơ này được tất cả mọi người đều yêu thích và thưởng thức, đối với người biết chữ cũng như với người không biết, kể cả phụ nữ, vì thơ này mang một nền tảng đạo đức được định nghĩa rất khéo, được diễn tả trong mọi liên hệ, thích hợp với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống con người. Khi buồn đau, thơ đem lại những niềm an ủi; khi gặp điều may lành, đúng ước nguyện, ta thấy trong thơ hình ảnh hạnh phúc của ta được diễn tả bằng những màu sắc tươi tắn... Có nhiều những câu thành ngữ, ngôn ngữ, những lời hay ý đẹp, những nguyên tắc mang tính phổ quát hay đặc thù trong cuộc sống xã hội được trình bày rất rõ ràng, mạch lạc trong thơ. Người ta thấy trong thơ một bức họa tuyệt vời của cuộc bể dâu, thăng trầm thế sự, những uẩn khúc quanh co như một mê đồ của kiếp nhân sinh” (Bùi Vĩnh Phúc dịch, xem Nguyễn, 1922). Và ứng xử của nhà bác học thể hiện sự trân trọng đối với giá trị của *Truyện Kiều*. Ông đã tóm tắt cốt truyện *Truyện Kiều* bằng ngôn ngữ của người dân Nam Bộ. Ông chủ thích từ ngữ, giải thích cặn kẽ nội dung của nhiều câu thơ Kiều mà

ông nghĩ là cần làm để đưa văn bản tác phẩm tốt nhất đến người đọc Nam Bộ. Thuần Phong nhận xét Trương Vĩnh Ký chú thích *Truyện Kiều* bằng thứ ngôn ngữ bình dân Nam Bộ: “Lược qua những lời giải và dẫn trong bốn *Kim Vân Kiều truyện* của Sĩ Tải, người ta nhận thấy dẫn giải theo lối bình dân ở miệt Đồng Nai. Tinh thần địa phương này còn thể hiện rõ hơn nữa trong những hình ảnh minh họa *Truyện Kiều*” (Thuần, 1965, tr.35). Theo Thuần Phong (1965), “Trong lúc cụ Trương Vĩnh Ký ra sách để phổ cập trong đại chúng truyện *Kim Vân Kiều*, thì ở trường Bôn quốc cụ Diệp Văn Cương rồi kế đó cụ Nguyễn Văn Mai giảng dạy *Truyện Kiều* làm môn Việt văn... Lời dẫn giải của cụ Mai có tánh cách khảo cứu rõ rệt. Lúc nào có dịp so sánh bốn Kiều đương thời với bốn Kiều Trung Hoa, so sánh bốn kinh với bốn phường, hay đối chiếu với tôn giáo, cụ không ngần ngại luyện khiêu khảo luận của học trò cụ” (Thuần, 1965, tr.36). Có lẽ cần có một nghiên cứu chi tiết về phần chú giải của Trương Vĩnh Ký cho bản Kiều quốc ngữ đầu tiên này như là bản chú mở đầu về phương pháp và quan niệm chú giải *Truyện Kiều* về sau.

Bùi Vĩnh Phúc đã phân tích khá cụ thể sự biến đổi ngữ âm của tiếng Việt để lý giải những cách Trương Vĩnh Ký phiên quốc ngữ lạ mà cả Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố và Lê Thanh từng lưu ý. Đáng tiếc là đến nay chúng ta không biết được bản *Truyện Kiều* Nôm nào mà Trương Vĩnh Ký đã dựa vào để phiên ra *Kim Vân Kiều* chữ quốc ngữ nên đành dừng lại ở sự kiện.

Trên *Nam Phong*, trong bài viết *Một tháng ở Nam Kỳ*, Phạm Quỳnh nói ở vào thời điểm này, báo giới Nam Kỳ phát đạt hơn Bắc nhiều lắm (khoảng 10 tờ báo quốc ngữ), khiến Bắc và Trung phải ghen. Song ông thêm rằng đây là xét về lượng còn nói về phẩm (chất lượng) thì lại là chuyện khác: “xét ra các đồng bào ta trong lục tỉnh hình như có ý trọng cái “lượng” hơn cái “phẩm” vậy. Đó cũng là một điều khuyết điểm trong học giới báo xứ Nam Kỳ” (Phạm, 1918b, tr.279). Theo ông, nguyên nhân dường như vì có những trí thức ở Nam Kỳ thông thạo tiếng Pháp, coi thường tiếng Việt: “Những người có học thức, thông giỏi chữ Pháp, phần nhiều khinh rẻ tiếng An Nam, không thèm nhìn đến, cho là một thứ chữ đê tiện để cho những hạng tầm thường dùng mà thôi. Như vậy thì quốc văn mong sao cho phát đạt được” (Phạm, 1918b, tr.281). Chúng tôi không nghĩ như vậy khi nhận ra tâm huyết của Trương Vĩnh Ký muốn đưa chữ quốc ngữ vào nền quốc văn, báo chí. Hẳn là nhà bác học đã dành nhiều thời gian để đọc hiểu, tham bác sách cổ kim để chú giải ngôn ngữ, điển cố, điển tích trong *Truyện Kiều* giúp cho độc giả hiện đại dễ hiểu hơn. Cùng với *Lục Vân Tiên*, *Truyện Kiều*, Trương Vĩnh Ký còn phiên quốc ngữ nhiều văn bản văn học khác như *Lục súc tranh công*, *Truyện Phan Trần*, song *Truyện Kiều* vẫn được ông ưu tiên hàng đầu. Chiến lược phổ cập, thống nhất và nâng cao tiếng Việt ở Nam Bộ được ông thực hiện thông qua các tác phẩm văn học nổi tiếng như vậy cần được nghiên cứu đánh giá kỹ hơn.

Cũng Phạm Quỳnh trên *Nam Phong* năm 1918, bài viết *Tiếng An Nam có cần phải hợp nhất không?* đặt vấn đề “làm thế nào gây được một lối quốc văn thông dụng cho cả tam kỳ? Lối quốc văn ấy hiện nay chưa thành, phải nhất thiết gây dựng ra, chớ không phải đã có sẵn rồi mà bàn hợp nhất được” (Phạm, 1923, tr.321). Nói vậy chưa hoàn toàn chính xác: Trương Vĩnh Ký và nhiều trí thức Nam Bộ trước đó ba thập kỷ đã có ý thức về vấn đề hợp nhất quốc văn, và *Truyện Kiều* cùng với *Lục Vân Tiên*, *Phan Trần*... đã phục vụ cho mục tiêu đó. Với bản phiên âm *Truyện Kiều* từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ, ông rõ ràng muốn có một tác phẩm mà ngôn ngữ, chữ viết và các giá trị đạo đức, thẩm mỹ trở thành tài sản văn hóa tinh thần chung của người dân Việt Nam. *Truyện Kiều* đã chinh phục được trái tim người dân đất Bắc, và bây giờ tiếp tục hành trình chinh phục Nam Bộ.

Nếu phải đưa ra những suy đoán thực chứng thuyết phục, tránh luận đoán chung chung, cần một nghiên cứu theo hướng thống kê. Tiếc là cho đến nay, chúng tôi chỉ tìm được một bài viết từ năm 1966 của Đào Thản theo hướng này. Ông đã cùng một nhóm nghiên cứu thực hiện thao tác thống kê và số liệu tự nó nói lên vấn đề tiếng Việt của *Truyện Kiều*: “Nguyễn Du có một vốn từ vựng thật phong phú và đa dạng. Chỉ tính riêng trong *Truyện Kiều*, tổng số từ tác giả đã sử dụng lên tới con số 3.412 (*Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi có 2.215 từ, *Lục Vân Tiên* có 2.499 từ). Ưu điểm này tuy chưa phải là chủ yếu đối với một nhà văn hào, nhưng thực tế nó rất quan trọng.

Bởi vì vốn từ phong phú của nhà văn chứng tỏ một vốn sống rộng rãi, những kiến thức nhiều mặt và một sự học tập tích lũy dài ngày để nắm lấy cái kho nguyên liệu cần vào bậc nhất ấy” (Đào, 1971, tr.364). Trong bài viết, Đào Thản không cho biết ông hiểu như thế nào về khái niệm “từ” khi tiến hành thống kê, nhưng chắc ông vận dụng quan niệm thống nhất cho việc thống kê các tác phẩm đã nói, nên có thể tin vào kết quả so sánh và nhận xét về số từ được Nguyễn Du dùng cho *Truyện Kiều*.

Bài viết của Đào Thản đã nêu một loạt điểm ưu việt của ngôn ngữ *Truyện Kiều* về kinh nghiệm làm giàu làm đẹp ngôn ngữ văn học tiếng Việt, những nhận xét này về sau được nhiều nhà nghiên cứu khai thác. Phan Ngọc trong *Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều* (chương *Ngôn ngữ Truyện Kiều*) đã triển khai phân tích bằng số liệu thống kê các biện pháp đó. Nguyễn Du đã cố gắng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Số từ Hán Việt trong *Truyện Kiều* là 891 lượt (645 từ, 32 thành ngữ 4 âm tiết), hầu hết đều quen thuộc với chúng ta, chỉ có khoảng 1/6 khó hiểu, đó là những trường hợp không thể Việt hóa được do áp lực của câu thơ như *bỉ sắc tu phong, bình địa ba đào*). Theo Phan Ngọc, từ láy âm vốn có sức mạnh biểu đạt tâm lý, hành vi tinh tế, là khác với nhóm từ thuần Việt và từ Hán Việt. Nguyễn Du dành cho từ láy âm vị trí chủ đạo cũng dùng từ láy âm khá phổ biến: *Truyện Kiều* có 507 từ láy âm, cứ 6,4 câu thơ có một từ láy âm. Và Nguyễn Du cũng có nhiều biện pháp láy âm khác nhau được Phan Ngọc phân tích khá thú vị. Hướng nghiên cứu này cần được phát triển xa hơn. Đây là một góc nhìn thực chứng lý giải sự linh cảm tinh tường của Trương Vĩnh Ký khi nhắm đến kinh nghiệm rất có giá trị của *Truyện Kiều* cho văn quốc ngữ.

4. Ngữ liệu *Truyện Kiều* trong *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của

Sau Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, tiếp tục đi xa hơn như để góp vào công cuộc nhất thể hóa ngôn ngữ dân tộc. Ông được Trương Vĩnh Ký - chủ bút *Gia Định báo* - mời cộng sự cho tờ báo này. Huỳnh Tịnh Của lần đầu tiên biên soạn một bộ tự điển chữ quốc ngữ đồ sộ - *Đại Nam quốc âm tự vị*, đã dùng khá nhiều ngữ liệu từ *Truyện Kiều* bản quốc ngữ để biên soạn tự điển. Dường như hai học giả này cùng hướng đến mục tiêu thống nhất ngôn ngữ, chữ viết đồng thời làm giàu cho ngôn ngữ Nam Bộ. Để biên soạn Huỳnh Tịnh Của đã rất hợp lý dùng ngữ liệu (đã phiên quốc ngữ) của những tác phẩm nổi tiếng như *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên* và nhiều chất liệu văn học dân gian Nam Bộ.

Được xuất bản tại Sài Gòn năm 1895, *Đại Nam quốc âm tự vị*, cuốn tự điển chữ quốc ngữ đầu tiên ở Việt Nam, dày 1.210 trang. Bên cạnh việc cập nhật nhiều từ ngữ mới như *cò súng, cò ô (cò đen), hộp diêm, Hạ châu* (thuộc địa Hồng mao), ông dùng khá nhiều ngữ liệu từ các tác phẩm văn học truyền thống trong đó có *Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*, từ ca dao, dân ca... khi giải thích các mục từ, nhưng ông không chú thích nguồn, ngoại trừ vài ba trường hợp có chú *Túy Kiều*. Cấu trúc một mục “tự” (chữ): chữ Nôm âm đọc viết bằng chữ quốc ngữ, sau đó là các kết hợp của chữ và nghĩa ghi bằng quốc ngữ. Ví dụ, ở trang 5, chữ nôm 埃 âm ai giải nghĩa như sau: nghĩa chánh là bụi, nghĩa mượn dùng hỏi ai, người nào; các kết hợp như *trần ai* - bụi bặm, trần thế, cuộc gian nan - *Anh hùng đứng giữa trần ai mới già; Hỏi ai - Hỏi ai lẳng lẳng mà nghe, v.v...* Tuy không dẫn xuất xứ câu thơ, người thuộc Kiều có thể dễ dàng biết câu này rút từ *Truyện Kiều* nhưng có một chữ bị sửa (chữ *đoán* bị đổi ra *đứng*). Câu *Hỏi ai lẳng lẳng mà nghe*, ai cũng biết xuất xứ từ *Lục Vân Tiên*. Cá biệt có trường hợp bản tự điển này dẫn cả câu thơ của Phạm Quý Thích *Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu* (Huỳnh, 1895, tr.97) trong bài *Đoạn trường tân thanh đề từ*, một sự kiện cho thấy Huỳnh Tịnh Của đã đọc kĩ không chỉ *Truyện Kiều* mà còn cả lịch sử bình luận, đề vịnh *Truyện Kiều*, hay nói khác đi, ở Nam Bộ, vào khoảng cuối thế kỉ XIX không chỉ nhà nho mà trí thức Tây học ở Nam Bộ đều am hiểu, yêu thích *Truyện Kiều*, nhận thấy tầm quan trọng của việc phổ biến kiệt tác này về nhiều lĩnh vực ngôn ngữ, chữ viết, quan niệm đạo đức thẩm mỹ... Theo thống kê chưa đầy đủ của chúng tôi, ít nhất có 72 trường hợp chữ hoặc từ của *Truyện Kiều* được dẫn dụng. Việc dùng ngữ liệu *Truyện Kiều* (tác phẩm văn học Bắc Bộ) và

Lục Vân Tiên (tác phẩm Nam Bộ) và một số tác phẩm văn học chữ nôm trung đại để biên soạn tự điển như là một kinh nghiệm tốt sẽ được các soạn giả *Việt Nam tự điển* (Hội Khai trí tiến đức, 1931) vận dụng.

5. Chú giải từ ngữ *Truyện Kiều* ở Nam Bộ hồi đầu thế kỉ XX

Một bộ phận sáng tạo không thể thiếu được là việc giải thích từ ngữ và điển tích, điển cố *Truyện Kiều*. Trương Minh Biện viết: “Về chuyện giải nghĩa câu thơ Kiều về các mặt từ ngữ, điển tích, điển cố, tác giả viết: “Trước, trong Nam, báo *Lục tỉnh tân văn* đã có giải *Kim Vân Kiều* ra quốc ngữ, đương kim ngoài Bắc M. Nguyễn Văn Vĩnh (Vĩnh) giải ra Lang sa trong báo *Đông dương tạp chí*; song giải ý vị truyện chớ không chỉ rõ cách đặt đề mỗi câu mỗi chữ (mỗi). Tôi chẳng dám tự xưng là hay, giỏi hơn mấy ngài ấy; đây tôi chỉ xin phụ thêm ít chỗ sót và giải dần rành rẽ mỗi điển tích ở sách nào mà ông Nguyễn Du rút ra dùng” (Trương a, 1916, tr.13 - Chúng tôi giữ nguyên chính tả của tác giả trong trích dẫn). Tác giả đặt tên cho mục mình tiến hành là *Kim Vân Kiều tân giải*. Nội dung gồm nguyên văn *Truyện Kiều*, phần diễn ra văn xuôi các câu thơ, chú giải điển tích, điển cố” (*Nông cổ mìn đàm*), có những chú giải thể hiện trình độ Hán học của Trương Minh Biện khá sâu. *Đêm thu gió lọt song đào/ Nửa vầng trăng khuyết ba sao giữa trời*. Câu dưới vẽ chữ Tâm. Có câu tình sử thi *Bán câu tàn nguyệt dải tam tinh*. Nghĩa là: *Nửa vầng trăng khuyết ba sao... dính theo*, thành chữ tâm 心; Lấy chữ *Thu* 秋 câu trên ráp với chữ *Tâm* thành chữ Sầu 愁. Hai câu này chỉ nghĩa Túy Kiều nhớ Thúc Sinh cho nên sầu...”. Không những chú giải điển tích, điển cố, ông bắt đầu “can thiệp” vào ngôn ngữ, văn bản *Truyện Kiều*, cho rằng chữ này chữ nọ của Nguyễn Du nếu được thay bằng chữ kia. Như *Nông cổ mìn đàm* số báo 644 ngày 15 September 1916, ông còn “góp ý” cho tác giả Nguyễn Du, ví dụ, câu *Rằng sao trong tiết thanh minh*, Trương Minh Biện giải thích: “Chỗ này Túy Kiều nói. - Chớ chi đặt như vậy rõ hơn: *Kiều rằng: sao tiết thanh minh*” (Trươnggb, 1916, tr.6).

Hoạt động chú giải của Trương Minh Biện có hiệu ứng xã hội rộng lớn ở Nam Bộ mà ngày nay nếu không đọc báo chí Sài Gòn hồi đầu thế kỉ XX thì dù vận dụng hết trí tưởng tượng, ta vẫn không thể hình dung được. *Nông cổ mìn đàm* số 645, ngày 21 September 1916, đăng đáp từ của Trần Phát Văn trả lời thư của bạn đọc Nguyễn Hào Học từ Chợ Lớn chất vấn mấy “khoản” như: *Chữ tài chữ mạng khéo là cợt nhau*, ông nói chữ *ghét* nặng, ông đổi ra chữ *cợt* đã đành, sao mà câu người thường đọc: *Lạ chi bỉ sắc tư phong*, ông viết lại “*lạ gì*” cho ra lời nói nặng nề, tôi e cượng từ đi chẳng?”. Khoản thứ hai: *Tôi đi xe lửa có nghe người trách ông* sao lấy câu “*Như thân đô thị đờm*” mà giải câu “... *Gan liền tướng quân*” chớ không ví. Người nói rằng: “Tuy biết có câu trước mới hiểu dạng câu sau, mà phải ví Từ Hải như Từ Long (Tử), ví Từ Hải bị vây như Từ Long bị vây mới trúng. Còn lấy chữ *đờm* là mặt mà cắt nghĩa chữ *gan*, sợ lạc nghĩa” (Trần, 1916, tr.12-13). Đáp từ của ông Trần Phát Văn (vị này gọi ông Trương Minh Biện bằng thầy) được in tiếp theo ngay trong mấy dòng dưới. Trong lời đáp này có cả nội dung vượt ra ngoài vấn đề chú giải mà mở rộng ra bàn văn lý, bàn về tính hợp lý của việc Nguyễn Du dùng chữ, nhưng đầu sao cũng cho thấy *Truyện Kiều* đã phổ biến sâu rộng trong giới độc giả Nam bộ hồi này (những người đi tàu luận bàn chữ nghĩa *Truyện Kiều*). Kết thúc lời đáp từ, Trần Phát Văn viết: “Văn chương là giềng mối cuộc mở mang, là vật đại ích cho nước, vì có nó mới truyền ý tứ cho nhau được, mới rộng chỗ thấy ra, mới biết lẽ nghĩa đạo đức, mới biết thương nhau, giúp nhau. Ai chẳng tin lời này là chánh lý, thì thử xem những lời hỗn ẩu của kẻ khác dùng mà cô động nông thương, khuyến khích kỳ nghệ; và dò xem những lời thô tiếng kịch ấy có hiệu nghiệm không thì rõ. Ấy vậy, văn chương phát, nước mới mở mang. Mà từ ông Nguyễn Du đến giờ, coi bộ văn nôm một ngày một lu, lời tao nhã càng ngày càng bớt, hình như tôm bắn lùi, chỉ có tiếng thô kịch ngày càng thêm... Muốn cho văn tấn phát, phải siêng học, năng đọc sách, nhiều tập đặt. *Mai sau nước Nam ta dựng thông thái là nhờ chữ quốc ngữ, mà cũng nhờ bốn thơ của ông Nguyễn Du*. Nghĩ lại cho kĩ mà coi ít nhiều người văn nôm hay đều nhờ bộ *Kiều* cả. Ai cho *Kiều* là dở? Mà từ một trăm năm nay không tay văn nôm nào làm ra một cuốn truyện, sách chi được như nước văn sâu sắc của Nguyễn

Hồng Ni (Trần Nho Thìn nhấn mạnh). Sao vậy? Là tại không hiểu người xưa làm sao mà ra hay, lại không chịu tìm cho rõ. Ai có ra công tìm kiếm lại khinh khi, bao biện, cho là “tầm chương đích cú” nghĩa là chuyện xấu. Phần đông học thuộc chừng một ít câu đủ ngâm nga, còn có kiếm thì kiếm mà chơi: ba câu một tiền, hai câu xu nhỏ, bốn câu trăm ngàn muôn trước đó. Té ra một trăm năm nay mà chưa rành cuốn *Kim Vân Kiều*, từ này về sau nếu có người hảo tâm, họa may trôi bước” (Trần, 1916, tr.13-15).

Với *Nông cổ minh đàm* các số 646, 647, 648, 649, 650,... 656, 657, 658, 659 năm 1916, rồi loạt bài *Túy Kiều diễn nghĩa* tiếp tục ở các số 1, 2, 4 Février 1917, số 5, 7, 8, 9 Mar 1917, s. 10, 11, Avril 1917, Trương Minh Biện nhắm đến độc giả Nam Bộ là chủ yếu nên khi chú giải, thường chỉ ra những từ thông dụng ở Nam tương đương với từ Bắc trong *Truyện Kiều*. Như đối với hai câu *Rằng sao trong tiết Thanh minh/ Mà đây hương khói vắng tanh thế mà*, ông giải thích: “Kiều hỏi: “ngày nay là Thanh minh, sao đây hương khói vắng tanh vậy?” (Chữ thể Bắc kỳ đồng nghĩa với chữ vậy Nam kỳ).

6. Kết luận

Chữ quốc ngữ, một thứ chữ tuy có những ưu/ nhược điểm nhất định nhưng là một lựa chọn hợp lý cho sự thay thế chữ Nôm. Việc lựa chọn chữ quốc ngữ đã diễn ra khắt khe và bài bản ở Nam Bộ từ cuối thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, sau đó mở rộng ra toàn quốc, chiếm lĩnh các trang báo và sách đủ mọi lĩnh vực văn hóa xã hội. Trong quá trình này, *Truyện Kiều* đã góp một phần quan trọng. Ba hoạt động chủ yếu gồm phiên *Truyện Kiều* ra chữ quốc ngữ, dùng ngữ liệu *Truyện Kiều* để biên soạn tự điển (từ điển) tiếng Việt và chú giải từ ngữ, điển tích, văn chương *Truyện Kiều* đều góp phần quảng bá chữ quốc ngữ ở Nam Bộ. Giới trí thức Nam Bộ trong đó có Trương Vĩnh Ký đã lựa chọn chính xác *Truyện Kiều* như một minh chứng tiêu biểu về nhiều mặt đối với toàn dân tộc, thuyết phục cho sự giàu có, khả năng biểu đạt mọi vấn đề của tiếng Việt, từ đó góp phần thống nhất ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, thúc đẩy hiện đại hóa văn học Việt Nam ở thế kỉ XX.

Ghi chú về tác giả: GS. TS Trần Nho Thìn nguyên là giảng viên cao cấp tại Khoa Văn học, Trường học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích liên quan đến bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abel des Michels (1885). *Kim Vân Kiều tân truyện*. Paris.
- Bừu, C. (1960). *Ưu điểm và Khuyết điểm của chữ Nôm, Việt Nam khảo cổ tập san*. Sài Gòn, 1960.
- Đào, T. (1971). Một vài đặc điểm của ngôn ngữ *Truyện Kiều*. *Kỉ niệm 200 năm sinh Nguyễn Du (1765-1965)* (Nhiều tác giả) [in lần thứ hai; lần đầu in trong *Tạp chí văn học*, 1, 1966]. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Đoàn, T. T. (2008). *Chữ quốc ngữ thế kỉ XVIII*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- Đỗ, Q. C (1972). *Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659*. Tủ sách Ra khơi, Sài Gòn
- Hội Khai trí tiến đức (1931). *Việt Nam tự điển*. Imprimerie Trung Bắc tân văn, Hà Nội.
- Huỳnh, T.C. (1895). *Đại Nam quốc âm tự vị*. Imprimerie Rey, Curiol & Sài Gòn.
- Lê, T. (1943). *Trương Vĩnh Ký*. Phổ thông chuyên san, tháng 9. Tân Dân xuất bản.
- Nguyễn, Đ.Đ. (2016). *Petrus Ký nổi oan thế kỉ* (Chủ biên). NXB Tri thức, Hà Nội.
- Nguyễn, Đ.P. (1922). Văn chương và nhân vật trong truyện *Thúy Kiều*. *Nam Phong*, 58.
- Nguyễn, T.T. (1928). Nghiên cứu và phán đoán về *Truyện Kiều*. *Nam Phong*, 125, 126.
- Nguyễn, V. T. *Chữ văn quốc ngữ thời kỳ đầu Pháp thuộc*. Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn, 5-1-1975.

- Phạm, Q. (1918a). Một tháng ở Nam Kỳ. *Nam Phong*, 17.
- Phạm, Q. (1918b). Tiếng An Nam có cần phải hợp nhất không?. *Nam Phong*, 18.
- Phạm, Q. (1923). Việc khởi thảo một bộ Việt âm tự điển. *Nam Phong*, 74.
- Phạm, T.K.L. (2024). *Lịch sử chữ quốc ngữ: 1615-1919*; Thanh Thư dịch. NXB Văn học; Công ty sách Omega Việt Nam.
- Thuần, P.N.V.P. (1965). Thúy Kiều với đại chúng. *Bách Khoa*, 211, 59-66.
- Trần, P.V. (1916). Đáp từ ông Nguyễn Hảo Học, *Nông cổ mín đàm*, 645.
- Trịnh, Đ.R. (1929). Văn thơ với nữ giới-lời thơ lục bát. *Phụ nữ tân văn*, 29.
- Trương, M.B a (1916). Túy Kiều diễn nghĩa. *Nông cổ mín đàm*, 640.
- Trương, M.B b (1916), Túy Kiều diễn nghĩa. *Nông cổ mín đàm*, 644.
- (*) Theo đúng nguyên văn, *Đại Nam quốc âm tự vị* ghi tác giả Huỳnh Tịnh Của, bài viết sẽ viết theo thông lệ hiện nay Huỳnh Tịnh Của.